

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: TOLUENE

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Toluene
- Công thức phân tử:** C₇H₈
- CAS:** 108-88-3
- Mã EC:** 203-625-9
- Tên khác:** Methylbenzene, Phenylmethane
- Sử dụng:** Dung môi hữu cơ, tổng hợp hóa chất, sản xuất sơn, vecni, nhựa, cao su
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:**
CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0314051291
SĐT khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

Nguy cơ	Mã GHS	Mô tả
Dễ cháy	Flam. Liq. 2 – H225	Lỏng dễ cháy
Hít phải gây buồn ngủ / chóng mặt	STOT SE 3 – H336	Ảnh hưởng thần kinh trung ương
Nguy cơ hít phải nghiêm trọng	Asp. Tox. 1 – H304	Nguy cơ tử vong nếu nuốt và xâm nhập đường hô hấp
Độc với môi trường thủy sinh lâu dài	Aquatic Chronic 2 – H411	Nguy cơ lâu dài cho sinh vật thủy sinh

Biểu tượng GHS chính xác:

- Dễ cháy
- Kích ứng / Buồn ngủ, chóng mặt
- Nguy cơ hít phải nghiêm trọng
- Độc môi trường

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H225: Dễ cháy.
- H304: Nguy cơ tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập đường hô hấp.
- H336: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
- H411: Độc với sinh vật thủy sinh lâu dài.

Câu phòng ngừa:

- P210: Tránh xa lửa, tia lửa, nguồn nhiệt.
- P261: Tránh hít khí, hơi.
- P271: Sử dụng nơi thông thoáng.
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ.
- P301+P310: Nuốt phải, gọi ngay trung tâm chống độc.
- P331: Không gây nôn.
- P403+P235: Lưu trữ nơi mát, bình kín.

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Toluene (C ₇ H ₈)	108-88-3	≥ 95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần, gọi cấp cứu.

- **Tiếp xúc da:** Rửa ngay bằng xà phòng và nước.
- **Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay với nước sạch ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế.
- **Nuốt phải:** Không gây nôn, gọi ngay trung tâm chống độc.

Triệu chứng: Buồn nôn, chóng mặt, nhức đầu, kích ứng da và mắt.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện chữa cháy:** CO₂, bột, bột khô, bình phun sương.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Dễ cháy, hơi nặng hơn không khí, có thể tạo hỗn hợp nổ.
- **Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay, quần áo chống cháy.

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, đeo bảo hộ đầy đủ.
- **Biện pháp môi trường:** Ngăn chặn chảy ra cống rãnh, đất hoặc nước.
- **Thu gom:** Hấp thụ bằng cát, đất hoặc vật liệu khô, đưa vào thùng chứa kín.

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Dung môi hữu cơ, tổng hợp hóa chất, sản xuất nhựa, sơn, vecni.
- **Bảo quản:** Nơi mát, khô, bình kín, tránh lửa và ánh sáng trực tiếp.
- **Không tương thích:** Oxi hóa mạnh, axit, kiềm mạnh.

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TLV-TWA):** 20 ppm (ACGIH)
- **Trang bị bảo hộ:**
 - Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Găng tay chống hóa chất, áo bảo hộ
 - Hô hấp: Mặt nạ lọc hữu cơ
 - Quần áo: Bảo hộ toàn thân

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng, không màu
Mùi	Đặc trưng, thơm
Điểm sôi	110.6°C
Điểm chớp cháy	4°C
Tỷ trọng	0.867 g/cm ³ (20°C)
Tan trong nước	0.05 g/100 mL (20°C)
pH	Không áp dụng

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở điều kiện phòng.
- **Điều kiện tránh:** Lửa, nhiệt, ánh sáng.
- **Chất không tương thích:** Oxi hóa mạnh, axit, bazơ mạnh.
- **Sản phẩm phân hủy:** CO, CO₂, khói độc.

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD₅₀ (chuột, uống):** 5580 mg/kg
- **LC₅₀ (hít, chuột):** 12,500 ppm/4h
- **Tác hại:** Kích ứng da và mắt, ảnh hưởng hệ thần kinh, lâu dài có thể tổn thương gan, thận.

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Độc đối với sinh vật thủy sinh.

- **Phân hủy sinh học:** Dễ phân hủy.
 - **Tích lũy sinh học:** Có khả năng tích lũy trong sinh vật.
-

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom vào thùng kín, dán nhãn rõ.
 - Xử lý theo quy định về chất thải nguy hại, không thải ra môi trường.
-

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** 1294
 - **Loại nguy hiểm:** 3 (Lỏng dễ cháy)
 - **Nhãn nguy hiểm:** Flammable (GHS02), Aspiration hazard (GHS08), STOT SE (GHS07), Environmental hazard (GHS09)
-

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ **TCVN 9487:2012**, **Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về quản lý hóa chất nguy hại.
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày phát hành SDS:** 15/10/2025
- **Tham khảo:** PubChem CID 1140, Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book.
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế